

## KẾ HOẠCH

### Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi năm 2020

Thực hiện Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (Chương trình MTQGGBV) tỉnh Quảng Ngãi năm 2020 như sau:

#### I. Mục đích, yêu cầu

##### 1. Mục đích

a) Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đề xuất các giải pháp để thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững của tỉnh.

b) Phát hiện và giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo bền vững.

##### 2. Yêu cầu

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình MTQGGBV đảm bảo tính khách quan, rõ ràng, đầy đủ theo đúng nội dung đề cương kiểm tra. Kết quả kiểm tra thể hiện bằng văn bản kèm theo số liệu thực hiện theo đúng biểu mẫu quy định.

#### II. Đối tượng, thành phần, thời gian, địa điểm

##### 1. Đối tượng kiểm tra:

Kiểm tra, giám sát các huyện, thành phố, thị xã và một số xã, phường, thị trấn.

##### 2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

a) Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Trưởng đoàn kiểm tra;

b) Các thành viên Đoàn kiểm tra:

- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Giám nghèo tỉnh; đại diện Phòng Việc làm - An toàn lao động, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: Chịu trách nhiệm kiểm tra về nội dung Truyền thông về giảm nghèo (Dự án 4), xuất khẩu lao động (Tiểu dự án 4 của Dự án 1), kiểm tra và nâng cao năng lực giảm nghèo (Dự án 5), kiểm tra những nội dung liên quan đến trách nhiệm là cơ quan thường trực Chương trình MTQGGNBV tỉnh và cơ quan chủ trì thực hiện Dự án 1;

- Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung về nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 của Dự án 1, Tiểu dự án 1 của Dự án 2;

- Đại diện Sở Tài chính: Thành viên Đoàn kiểm tra; chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung về nguồn vốn duy tu bảo dưỡng của thuộc Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 của Dự án 1, Tiểu dự án 1 của Dự án 2;

- Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chịu trách nhiệm kiểm tra hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Tiểu dự án 3 của Dự án 1, Tiểu dự án 2 của Dự án 2 và Dự án 3;

- Đại diện Ban Dân tộc tỉnh: Chịu trách nhiệm kiểm tra về đào tạo nâng cao năng lực thuộc Tiểu dự án 3 của Dự án 2 và kiểm tra những nội dung thuộc trách nhiệm của chủ Dự án 2;

- Đại diện Sở Thông tin và Truyền thông: Chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung Giảm nghèo về thông tin thuộc Dự án 4;

- Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi: Chịu trách nhiệm kiểm tra các chính sách về tín dụng ưu đãi.

**3. Thời gian, địa điểm kiểm tra:**

a) Thời gian:

- Đợt 1 (*Quý II, đầu quý III năm 2020*): Kiểm tra giám sát Chương trình MTQGGNBV năm 2019 và 6 tháng năm 2020 tại 07 huyện, thành phố, thị xã.

- Đợt 2 (*Quý IV năm 2020*): Kiểm tra giám sát Chương trình MTQGGNBV năm 2019 và năm 2020 tại 06 huyện còn lại.

b) Địa điểm:

Tại UBND các huyện, thành phố, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn được kiểm tra (riêng huyện Lý Sơn kiểm tra tại cấp huyện: Chọn ngẫu nhiên kiểm tra, giám sát từ 01 đến 02 xã, phường, thị trấn tại mỗi huyện, thành phố, thị xã.

### **III. Nội dung kiểm tra, giám sát**

1. Kiểm tra giám sát công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình MTQGGBNV năm 2019 và năm 2020;

2. Theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo chung như: Tín dụng ưu đãi; hỗ trợ dạy nghề cho người nghèo, người cận nghèo và người dân tộc thiểu số; hỗ trợ về y tế; hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo, cận nghèo; hỗ trợ về nhà ở; trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người được trợ giúp pháp lý khác; các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng yếu thế.

3. Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo:

a) Dự án 1 (Chương trình 30a):

- Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo;

- Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

- Tiểu Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

- Tiểu Dự án 4: Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

b) Dự án 2 (Chương trình 135):

- Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK, xã an toàn khu, các thôn ĐBKK;

- Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ĐBKK, xã an toàn khu; các thôn ĐBKK.

- Tiểu Dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã an toàn khu; các thôn ĐBKK.

c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

d) Dự án 4: Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin.

e) Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

4. Kiểm tra việc xác định đối tượng thụ hưởng chính sách, dự án giảm nghèo và các nội dung khác có liên quan.

5. Phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và các chính sách, dự án giảm nghèo. Đề xuất, kiến nghị với các Bộ, Ngành Trung ương và UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi chính sách, giải pháp giảm nghèo bền vững trong thời gian đến cho phù hợp.

#### **IV. Kinh phí kiểm tra, giám sát**

Kinh phí kiểm tra, giám sát được bố trí từ Dự án Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo năm 2020.

#### **V. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

a) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập Đoàn kiểm tra; chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành là thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ, Ngành Trung ương theo quy định.

2. Các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Ban Dân tộc tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi và các thành viên khác của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh cử cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm về số liệu, báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện Chương trình; kiến nghị, đề xuất đối với các dự án, tiểu dự án được phân công phụ trách, báo cáo cho Đoàn kiểm tra (*thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*) tổng hợp.

3. UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra công tác giảm nghèo năm 2019, năm 2020 trên địa bàn cấp xã theo sự hướng dẫn của các sở, ban ngành và theo quy định của Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổng hợp, báo cáo cho các sở, ban ngành tỉnh là cơ quan chủ trì thực hiện chủ dự án, tiểu dự án và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh và bộ, ngành Trung ương theo quy định.

Các sở, ban ngành và UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá theo Mẫu số 02 và các biểu số 02, biểu số 02a, biểu số 02b.1, biểu số 02b.2 kèm theo Kế hoạch này. Báo cáo gửi về cho cơ quan thường trực (*Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*) trước 10 ngày kể từ ngày kiểm tra huyện đầu tiên.

4. Định kỳ 6 tháng, 9 tháng, cuối năm, các sở, ban ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra các địa phương về cơ quan theo

đổi Chương trình (*Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

Yêu cầu các sở, ban ngành là thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*) để chỉ đạo giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (b/cáo);
- Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành là thành viên BCD theo Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP, các P. Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, Ktbngoc58.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Phiên**

Biểu số 02

(ban hành kèm theo Kế hoạch số **AA** /KH-UBND ngày **20** tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị báo cáo: huyện/tỉnh .....

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi năm 2019 và 2020**

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
A	Dự án 1 Chương trình 30a	Triệu đồng						
I	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo	Triệu đồng						
1	<b>Tổng ngân sách, trong đó:</b>	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng						
2	<b>Kết quả thực hiện</b>							
2,1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình						
	Công trình giao thông	Công trình						
	Công trình thủy lợi	Công trình						
	Công trình trường học	Công trình						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	Công trình văn hoá	Công trình						
	Công trình y tế	Công trình						
2,2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình						
	Công trình giao thông	Công trình						
	Công trình thủy lợi	Công trình						
	Công trình trường học	Công trình						
	Công trình văn hoá	Công trình						
	Công trình y tế	Công trình						
2,3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình						
	Công trình trường học	Công trình						
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình						
	Công trình sinh hoạt cộng đồng	Công trình						
	Công trình giao thông	Công trình						
	Công trình thủy lợi	Công trình						
	Công trình khác	Công trình						
II	<b>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo</b>	<b>Triệu đồng</b>						
1	<b>Tổng ngân sách, trong đó:</b>	<b>Triệu đồng</b>						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,1	<b>Ngân sách trung ương, trong đó:</b>	<b>Triệu đồng</b>						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Công trình</b>						
2,1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình						
	Công trình giao thông	Công trình						
	Công trình chợ	Công trình						
	Công trình trường học	Công trình						
	Công trình thủy lợi	Công trình						
	Công trình nhà sinh hoạt cộng đồng	Công trình						
	Công trình đường nội đồng	Công trình						
2,2	Số công trình được đầu tư chuyên tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình						
	Công trình chợ	Công trình						
	Công trình giao thông	Công trình						
	Công trình thủy lợi	Công trình						
2,3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình						
	Công trình trường học	Công trình						
	Công trình sinh hoạt cộng đồng	Công trình						
	Công trình giao thông	Công trình						
	Công trình chợ	Công trình						



TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	Công trình thủy lợi	Công trình						
III	<b>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo</b>	Triệu đồng						
1	<b>Tổng ngân sách</b>	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	<b>Kết quả thực hiện</b>							
2,1	Huyện nghèo							
	- Số dự án PTSX							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án						
	- Số mô hình NRMHGN							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình						
2,2	Xã ĐBKK vùng bãi ngang							
	- Số dự án PTSX							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án						
	- Số mô hình NRMHGN							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
<b>IV</b>	<b>Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài</b>	<b>Triệu đồng</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng ngân sách, gồm</b>	<b>Triệu đồng</b>						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	- Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Kinh phí giải ngân</b>	<b>Triệu đồng</b>						
	- Chia theo nguồn ngân sách							
	+ Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	+ Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	+ Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
	- Chia theo hoạt động							
	+ Hỗ trợ người lao động	Triệu đồng						
	+ Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn đi làm việc ở nước ngoài	Triệu đồng						
	+ Tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động về nước	Triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Người</b>						
<b>3.1.1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo</b>							
<b>a.</b>	<b>Tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo</b>	<b>Người</b>						
	- Chia theo đối tượng:							
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người						
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	- Trong đó:							
	Số lao động được hỗ trợ đào tạo nghề trong tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người						
	<i>Chia theo đối tượng:</i>							
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người						
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						
b.	Số lao động được hỗ trợ hoàn thành các khóa đào tạo (nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết):	Người						
	- <i>Chia theo đối tượng:</i>							
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người						
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						
	- Trong đó:							
	Số lao động hoàn thành khóa đào tạo nghề trong tổng số lao động hoàn thành các khóa đào tạo	Người						
	<i>Chia theo đối tượng:</i>							
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người						
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						
<b>3.1.2</b>	<b>Tổng số lao động được hỗ trợ thủ tục xuất cảnh</b>	Người						
	<i>Chia theo đối tượng:</i>							
	- Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	- Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	- Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						
3.1.3	<b>Tổng số lao động đã xuất cảnh</b>	Người						
	- <i>Chia theo đối tượng:</i>							
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người						
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						
	- <i>Trong đó:</i>	Người						
	Tổng số lao động được đào tạo nghề đã xuất cảnh							
	<i>Chia theo đối tượng:</i>							
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người						
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người						
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người						
3,2	<b>Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn</b>							
3.2.1	<b>Nâng cao năng lực cán bộ</b>							
	- Số lớp nâng cao năng lực được thực hiện	Lớp						
	- Số cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực	Người						
3.2.2	<b>Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</b>							
	- Số người làm công tác tư vấn trực tiếp cho người lao động ở địa phương	Người						
	- Số buổi tuyên truyền, vận động được hỗ trợ từ ngân sách/nguồn huy động	Buổi						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
3,3	<b>Tư vấn, giới thiệu việc làm sau khi người lao động về nước tại địa phương</b>							
	- Số lao động được tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước	Người						
	- Số lao động có việc làm sau khi được tư vấn	Người						
<b>B</b>	<b>Chương trình 135</b>	<b>Triệu đồng</b>						
<b>I</b>	<b>Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK</b>	<b>Triệu đồng</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng ngân sách, trong đó:</b>	<b>Triệu đồng</b>						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
2,1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình						
	Công trình giao thông	Công trình						
	Công trình thủy lợi	Công trình						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	Công trình điện	Công trình						
	Công trình sinh hoạt động đồng	Công trình						
	Trạm phát thanh	Công trình						
	Công trình giáo dục	Công trình						
	Công trình khác	Công trình						
2,2	Số công trình được đầu tư chuyên tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình						
2,3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình						
	Công trình giao thông	Công trình						
	Công trình thủy lợi	Công trình						
	Công trình sinh hoạt động đồng	Công trình						
	Công trình khác	Công trình						
3	Tổng số xã	Xã						
4	Tổng số thôn bản	Thôn bản						
II	<b>Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK</b>	<b>Triệu đồng</b>						
1	<b>Tổng ngân sách</b>	<b>Triệu đồng</b>						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	<b>Kết quả thực hiện</b>							

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	- Số dự án PTSX							
	+ Số người được hỗ trợ	Lượt hộ						
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án						
	Hỗ trợ giống cây trồng	cây						
	Hỗ trợ giống vật nuôi	con						
	Hỗ trợ vật tư sản xuất	kg						
	Hỗ trợ công cụ sản xuất	máy móc, công cụ						
	Tập huấn							
	- Số mô hình NRMHGN							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình						
<b>III</b>	<b>Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK</b>	<b>Triệu đồng</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng ngân sách</b>	<b>Triệu đồng</b>						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp						
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ						

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp						
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người						
<b>C</b>	<b>Dự án 3: hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững (trên địa bàn xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a)</b>	<b>Triệu đồng</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng ngân sách</b>	<b>Triệu đồng</b>						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
	- Số dự án PTSX							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án						
	- Số mô hình NRMHGN							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình						
	Mô hình nuôi bò lai sinh sản	Mô hình						
	Mô hình nuôi trâu sinh sản	Mô hình						
<b>D</b>	<b>Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	<b>Triệu đồng</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng ngân sách, trong đó:</b>	<b>Triệu đồng</b>						



TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>							
<b>2.1.</b>	<b>Hoạt động truyền thông về giảm nghèo</b>							
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:							
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình						
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình						
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:							
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình						
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình						
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:							
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm						
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip						
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm						
	+ Số lượng pano	Cái						
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện							

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc						
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc						
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:							
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm						
	+ Số lượng sách	Cuốn						
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo							
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại						
	+ Số người tham gia đối thoại	Người						
<b>2.2.</b>	<b>Hoạt động giảm nghèo về thông tin</b>							
	- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Cán bộ						
	- Số hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin	Hộ						
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:							
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình						
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình						
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:							
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình						
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình						
	- Số lượng sách chuyên đề do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:							

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm						
	+ Số lượng sách	Cuốn						
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:							
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm						
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip						
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	ấn phẩm						
	- Số lượng phương tiện nghe - xem được hỗ trợ	Phương tiện						
	- Số lượng huyện được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Huyện						
	- Số lượng xã được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Xã						
	- Số lượng xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động	Xã						
	- Số lượng điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời có ở xã	Điểm						
	- Số Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương được đầu tư	Cụm						
<b>E</b>	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình</b>	<b>Triệu đồng</b>						
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
1	Kết quả thực hiện							

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Cả năm	% so với kế hoạch đầu năm		Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp						
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ						
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp						
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người						
	- Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá							
	+ Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn						
	<b>Tổng kinh phí</b>							

**Biểu số 02a**

*(ban hành kèm theo Kế hoạch số 41 /KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)*

Đơn vị báo cáo: huyện/tỉnh .....

**Tổng hợp kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo chung năm 2020**

TT	Chính sách	ĐVT	TH 2019	KH 2020	Kết quả thực hiện	
					Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
<b>1</b>	<b>Chính sách tín dụng ưu đãi</b>					
1.1	Cho vay hộ nghèo					
*	Cho vay thông thường					
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
*	Cho vay hộ nghèo theo Nghị quyết 30a					
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
1.2	Cho vay hộ cận nghèo					
	Số lượt hộ được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				

TT	Chính sách	ĐVT	TH 2019	KH 2020	Kết quả thực hiện	
					Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
1.3	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn					
	Số lượt người được vay vốn trong kỳ	Lượt người				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
1.4	Cho vay đối tượng đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài					
	Số lượt hộ được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
1.5	Cho vay Chương trình nước sạch VSMT nông thôn					
	Số lượt hộ được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
1.6	Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn (theo Quyết định số 31)					
	Số lượt hộ được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				

TT	Chính sách	ĐVT	TH 2019	KH 2020	Kết quả thực hiện	
					Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
1.7	Cho vay hộ đồng bào DTTS tại vùng khó khăn (theo Quyết định số 32)					
	Số lượt hộ được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
1.8	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (theo QĐ 33)					
	Số lượt hộ được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
1.9	Cho vay hộ mới thoát nghèo (QĐ 28/2015)					
	Số lượt hộ được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ				
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ				
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng				
2.	<b>Chính sách hỗ trợ làm nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg</b>					
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách Địa phương	Triệu đồng				

TT	Chính sách	ĐVT	TH 2019	KH 2020	Kết quả thực hiện	
					Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
	- Nguồn vốn Huy động khác	Triệu đồng				
	- Nguồn vốn tín dụng	Triệu đồng				
	Tổng số hộ được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Hộ				
<b>3</b>	<b>Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ học tập</b>					
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách Địa phương	Triệu đồng				
	- Đối tượng được miễn giảm	Học sinh				
	- Đối tượng được hỗ trợ học tập	Học sinh				
<b>4</b>	<b>Chính sách mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, DTTS và người sống ở xã ĐBKK, huyện đảo</b>					
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Đối tượng cấp thẻ	Người				
<b>5</b>	<b>Chính sách dạy nghề cho người nghèo, người cận nghèo, người DTTS thuộc hộ nghèo, người nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK thông qua đề án dạy nghề cho LĐNT</b>					
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Đối tượng được đào tạo	Người				
<b>6</b>	<b>Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người DTTS</b>					
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách tỉnh	Triệu đồng				



TT	Chính sách	ĐVT	TH 2019	KH 2020	Kết quả thực hiện	
					Thực hiện (tại thời điểm kiểm tra)	% so với kế hoạch đầu năm
	- Số lượt người được hỗ trợ pháp lý	Người				
	.....					
<b>7</b>	<b>Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội</b>					
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách tỉnh	Triệu đồng				
	- Số đối tượng được hỗ trợ	Người				
<b>8</b>	<b>Trợ cấp bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP</b>					
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách tỉnh	Triệu đồng				
	- Số đối tượng được hỗ trợ	Người				
	<b>Tổng cộng</b>					

**Biểu số 2b.1**

(ban hành kèm theo Kế hoạch số 41 /KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)

Huyện, TP .....

**Tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Đơn vị giao thực hiện	Tổng kinh phí phân bổ	Trong đó						Tổng kinh phí giải ngân	Trong đó						Tỷ lệ giải ngân 2019	Trả lại ngân sách	chuyển sang năm sau
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác			
<b>I. Dự án 1 (Chương trình 30a)</b>																		
<b>1.1. Tiêu dự án 1 Đầu tư cơ sở hạ tầng tại huyện nghèo</b>																		
<b>1.1.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn đầu tư phát triển)</b>																		
	....																	
<b>1.1.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn sự nghiệp, Duy tu BD)</b>																		
	.....																	
<b>1.2. Tiêu dự án 2 Đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã bãi ngang</b>																		
<b>1.2.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn đầu tư phát triển)</b>																		
	....																	
<b>1.2.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn sự nghiệp, Duy tu BD)</b>																		
	.....																	
<b>1.3. Tiêu dự án 3 Hỗ trợ PTSX đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình tại huyện nghèo và xã bãi ngang</b>																		
	....																	
<b>1.4. Tiêu dự án 4 Hỗ trợ xuất khẩu lao động tại huyện nghèo và xã bãi ngang</b>																		
<b>II. Dự án 2 (Chương trình 135)</b>																		

TT	Đơn vị giao thực hiện	Tổng kinh phí phân bổ	Trong đó						Tổng kinh phí giải ngân	Trong đó						Tỷ lệ giải ngân 2019	Trả lại ngân sách	chuyển sang năm sau
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác			
<b>1.1. Tiểu dự án 1 Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>																		
1.1.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn đầu tư phát triển)																		
	....																	
1.1.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn sự nghiệp Duy tu BD)																		
	.....																	
<b>1.2. Tiểu dự án 2 Hỗ trợ PTSX đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình</b>																		
	....																	
<b>1.3. Tiểu dự án 3 Đào tạo và nâng cao năng lực</b>																		
	.....																	
<b>III. Dự án 3 Hỗ trợ PTSX đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135</b>																		
	....																	
<b>IV. Dự án 4 Truyền thông và Thông tin giảm nghèo</b>																		
<b>1.1 Hoạt động truyền thông giảm nghèo</b>																		
	....																	
<b>1.2. Hoạt động Thông tin giảm nghèo</b>																		

TT	Đơn vị giao thực hiện	Tổng kinh phí phân bổ	Trong đó						Tổng kinh phí giải ngân	Trong đó						Tỷ lệ giải ngân 2019	Trả lại ngân sách	chuyển sang năm sau
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác			
	.....																	
<b>V. Dự án 5 Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình</b>																		
	.....																	
	<b>Tổng cộng</b>																	

**Biểu số 2b.2**

*(ban hành kèm theo Kế hoạch số 91 /KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)*

Huyện, TP .....

**Tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020**

**ĐVT: 1.000 đồng**

TT	Đơn vị giao thực hiện	Tổng kinh phí phân bổ	Trong đó						Tổng kinh phí giải ngân	Trong đó						Tỷ lệ giải ngân 2020	Kinh phí năm trước chuyển sang	Giải ngân kinh phí chuyển sang
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác			
<b>I. Dự án 1 (Chương trình 30a)</b>																		
<b>1.1. Tiểu dự án 1 Đầu tư cơ sở hạ tầng tại huyện nghèo</b>																		
<b>1.1.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn đầu tư phát triển)</b>																		
	....																	
<b>1.1.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn sự nghiệp Duy tu BD)</b>																		
	.....																	
<b>1.2. Tiểu dự án 2 Đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã bãi ngang</b>																		
<b>1.2.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn đầu tư phát triển)</b>																		
	....																	
<b>1.2.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn sự nghiệp Duy tu BD)</b>																		
	.....																	
<b>1.3. Tiểu dự án 3 Hỗ trợ PTSX đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình tại huyện nghèo và xã bãi ngang</b>																		
	....																	
<b>1.4. Tiểu dự án 4 Hỗ trợ xuất khẩu lao động tại huyện nghèo và xã bãi ngang</b>																		
<b>II. Dự án 2 (Chương trình 135)</b>																		
<b>1.1. Tiểu dự án 1 Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>																		

TT	Đơn vị giao thực hiện	Tổng kinh phí phân bổ	Trong đó						Tổng kinh phí giải ngân	Trong đó						Tỷ lệ giải ngân 2020	Kinh phí năm trước chuyển sang	Giải ngân kinh phí chuyển sang
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác			
1.1.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn đầu tư phát triển)																		
	....																	
1.1.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng (vốn sự nghiệp - Duy tu BD)																		
	.....																	
1.2. Tiểu dự án 2 Hỗ trợ PTSX đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình																		
	....																	
1.3. Tiểu dự án 3 Đào tạo và nâng cao năng lực																		
	.....																	
III. Dự án 3 Hỗ trợ PTSX đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135																		
	....																	
IV. Dự án 4 Truyền thông và Thông tin giảm nghèo																		
1.1 Hoạt động truyền thông giảm nghèo																		
	....																	
1.2. Hoạt động Thông tin giảm nghèo																		
	.....																	

TT	Đơn vị giao thực hiện	Tổng kinh phí phân bổ	Trong đó						Tổng kinh phí giải ngân	Trong đó						Tỷ lệ giải ngân 2020	Kinh phí năm trước chuyển sang	Giải ngân kinh phí chuyển sang
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Đóng góp hộ dân	Huy động khác			
<b>V. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình</b>																		
	.....																	
	<b>Tổng cộng</b>																	